

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2018

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng

-Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

2. Bà Trần Thị Năm

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Kim – cán bộ Tòa án nhân dân huyện TÂN T.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TÂN T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** chị Bùi Thị Mỹ T, sinh năm 1981

Cư trú: ấp TÂN T, xã Tân Phú T, huyện Mỏ Cày B, tỉnh Bến Tre.

2. ***Bị đơn:*** anh Phạm Minh H, sinh năm 1979

Cư trú: ấp Kênh Bùi C, xã Hậu Thạnh Đ, huyện TÂN T, tỉnh Long An.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai tại phiên tòa của chị Bùi Thị Mỹ T trình bày: Chị và anh H chung sống năm 2012, ngày 05/6/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú T, huyện Mỏ Cày B, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình và anh H hay cờ bạc. Nên chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống có 01 người con Phạm Anh K, sinh ngày 14/8/2012, sau khi ly thân cháu K sống với anh H. Nay chị không yêu cầu để anh H nuôi con và đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Minh H: Ngày 26/9/2018 Tòa án tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đến ngày 11/10/2018 Tòa án tiến hành niêm yết thông báo về việc kiểm tra, công khai chứng cứ, ý kiến, yêu cầu của các đương sự trong vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Đối với anh Phạm Minh H, Tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/10/2018, niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2018 thông báo mở lại phiên tòa xét xử ngày 29/11/ 2018 nhưng anh H không đến tham gia phiên tòa vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[2]Chị Bùi Thị Mỹ T và anh Phạm Minh H đăng ký kết hôn ngày 05/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú T, huyện Mô Cày B, tỉnh Bến Tre, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay chị T xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Sau khi kết hôn chị T về chung sống bên gia đình anh H, thời gian đầu hai bên sống hạnh phúc cho đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là sau khi sống với nhau giữa chị T và anh H không hợp tính tình nên thường hay cự cãi, ngoài ra trong quá trình chung sống anh H không chịu khó làm ăn và hay cờ bạc dẫn đến nợ nần, do đó chị T và anh H sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Đối với anh H thì Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết thông báo phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra, công khai chứng cứ, ý kiến yêu cầu của đương sự theo quy pháp luật tố tụng dân sự, nhưng anh H không có văn bản hay ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn. Từ đó cho thấy tình cảm giữa chị T và anh H không còn hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy tại phiên tòa chị T xin ly hôn với anh H, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở.

[3]Về con chung, tại phiên tòa chị T khai trong thời gian chung sống với nhau giữa chị với anh H có 01 người con chung là Phạm Anh K, sinh ngày 14/8/2012, sau khi chị và anh H sống ly thân cháu K chung sống với anh H, cho nên chị T không yêu cầu nuôi con và đồng ý để anh H nuôi con. Xét thấy việc chị T thay đổi yêu cầu đồng ý để anh H tiếp tục nuôi con so với yêu cầu khởi kiện ban đầu thì không làm ảnh hưởng việc giải quyết vụ án, Cng như sau khi chị T sống ly thân với anh H thì cháu K sống với anh H đến nay ổn định và phù hợp thực tế. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện của chị T về việc đồng ý để anh H tiếp tục nuôi con chung là cháu Phạm Anh K, sinh ngày 14/8/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng, và thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2018. Xét thấy anh H vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên tòa chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2018 đến khi cháu K trưởng thành tròn 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử công nhận sự nguyện cấp dưỡng nuôi của chị T là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung tại phiên tòa chị T khai không có, nên không xem xét.

[4]Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đồng cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm; anh H không phải chịu án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, 56, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị Mỹ T.

1.Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Mỹ T được ly hôn anh Phạm Minh H.

2.Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: anh Phạm Minh H được quyền nuôi con tên là Phạm Anh K, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2012. Chị Bùi Thị Mỹ T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/1tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng ngày 01/12/2018 cho đến khi con chung trưởng thành tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3.Về án phí: chị Bùi Thị Mỹ T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0004123 ngày 26/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TÂN T sang thành án phí. Chị T nộp tiếp 300.000đồng tiền án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND h. TÂN T;
- THADS h. TÂN T;
- UBND xã Tân Phú T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hoàng